TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh

2. Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ng**, sinh năm 1992;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;

Nơi ở: Thôn D, xã P, quận H, TP. Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức N**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn P, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Ng trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/12/2009. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận đến tháng 01/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, anh N không quan tâm lo lắng cho gia đình, anh chị thường xảy ra cãi nhau. Từ tháng 6/2018, mẫu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, chị chuyển lên sinh sống tại TP. Hà Nội. Anh chị sống ly thân nhau từ đó. Thời gian sống ly thân, anh N có tìm chị về đoàn tụ; hai bên gia đình có khuyên anh chị về đoàn tụ, nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể cùng chung sống được nên chị không đồng ý. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có hai con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 18/01/2011 và Nguyễn Đức Tuấn T, sinh ngày 15/01/2016. Hai cháu đang ở cùng ông ngoại, do chị nhờ ông bà chăm sóc. Chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm nhân viên phân phối cho Công ty bánh kẹo Royal ĐanMark, thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Phạm Thị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Đức Th là bố đẻ anh N trình bày: Trong cuộc sống vợ chồng, giữa chị Ng và anh N không có mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân dẫn đến việc chị Ng có đơn xin ly hôn là do chị Ng đi làm tại TP. Hà Nội, còn anh N đi làm ở TP. Hải Phòng. Từ đó anh chị xa cách, không còn quan tâm gì đến nhau. Việc chị Ng làm đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh N và tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N đều không đến Tòa án làm việc. Tòa án cùng với đại diện UBND xã K xuống tại gia đình anh N để làm việc, nhưng anh N vắng mặt không có nhà. Ông Th là bố anh N trình bày, anh N làm nghề lái xe. Anh N đi xe một đến hai ngày mới về nhà. Các văn bản, tài liệu Tòa án giao cho anh N, ông nhận thay và đã giao lại cho anh N, nhưng anh N không đến Tòa án làm việc vì anh N không muốn ly hôn. Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập anh N đến tham gia phiên tòa nhưng anh N vắng mặt. Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ anh N đến phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà, chị Ng giữ nguyên quan điểm như trên. Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng thủ tục tố tụng, riêng việc Tòa án gửi Thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát còn chậm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Đức N. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồng S, sinh ngày 18/01/2011 và Nguyễn Đức Tuấn T, sinh ngày 15/01/2016. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Đức N kết hôn vào năm 2009, việc kết hôn tuân thủ các điều kiện kết hôn theo luật định, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau, anh N không quan tâm đến gia đình, vợ con. Anh chị đã ly thân được một thời gian, nhưng anh N cũng không có tác động gì để cải thiện quan hệ vợ chồng với chị Ng. Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án, anh N không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để Tòa án làm việc, hòa giải; thể hiện việc anh N bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ vỡ. Tại phiên tòa, chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị xin được ly hôn anh N. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ng và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Ng xin được ly hôn anh Nguyễn Đức N là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Ng và anh Nguyễn Đức N có hai con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 18/01/2011 và Nguyễn Đức Tuấn T, sinh ngày 15/01/2016. Hai cháu do chị Ng và ông bà ngoại *(bố mẹ chị Ng)* trực tiếp nuôi dưỡng từ khi anh chị sống ly thân. Quá trình chuẩn bị xét xử, anh N không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét yêu cầu xin được nuôi con của chị Ng thì thấy, cháu T còn nhỏ, mới hơn 3 tuổi, vẫn cần sự chăm sóc nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ, còn cháu S có ý kiến xin được ở với chị Ng; chị Ng có chỗ ở, công việc thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định của cháu S và cháu T, Toà án giao cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S và cháu T đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Phạm Thị Ng không yêu cầu Toà án phải giải quyết nên Toà án không xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Ng có đơn yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Đức N.

2. Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Hồng S, sinh ngày 18/01/2011 và Nguyễn Đức Tuấn T, sinh ngày 15/01/2016. Giao cháu S và cháu T cho chị Phạm Thị Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 4/2019 đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh Nguyễn Đức N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Ng về việc không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003847 ngày 04/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị Phạm Thị Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Uỷ ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn